

77 TUYỆT CHIÊU TỰ ÔN ĐẠT 450 TOEIC

I. **Yêu cầu tối thiểu về số câu đúng:** 60 câu nghe và 45 câu đọc

II. 77 TUYỆT CHIÊU KHI LÀM BÀI

1. Part 1: Mô tả tranh

a. *Khái quát về Part 1*

- Số câu cần đúng tối thiểu: 4
- Nội dung: Có 6 bức tranh, mỗi bức tranh có 4 câu mô tả, yêu cầu nghe và chọn ra câu mô tả đúng nhất với từng bức tranh.
- Tranh được phân làm 3 loại: Tranh có 1 người, tranh có nhiều người và tranh có vật

b. *Cách chọn đáp án tranh có người*

1. 4 đáp án đều có dạng chủ ngữ + is + V-ing + và có cùng chủ ngữ, động từ đóng vai trò quyết định đáp án đúng – sai.
2. Trong trường hợp, đáp án đúng không nói đến hành động của nhân vật trong bức ảnh mà cho biết trang phục hoặc diện mạo của nhân vật.
3. Các đáp án sai thường đề cập đến sự vật nổi bật trong bức ảnh
4. Xác định hành động của nhân vật trong bức ảnh
5. Tập trung nghe các động từ xuất hiện trong các đáp án. Nếu chỉ tập trung nghe danh từ mà không nghe được động từ thì bạn rất dễ chọn sai đáp án.
6. Nếu đáp án có động từ và danh từ không diễn tả hành động và sự vật trong bức ảnh thì đó là đáp án sai

c. *Cách chọn đáp án tranh có vật*

7. Cần trả lời được 2 câu hỏi: vật đó là gì và vật đó ở đâu
8. Tránh những đáp án có dạng is/being + V-ed

2. Part 2: Hỏi và Đáp

a. *Khái quát về Part 2*

9. Số câu đúng tối thiểu: 18
10. Nội dung: Có 25 câu hỏi, mỗi câu hỏi có 3 lời đáp tương ứng. Yêu cầu nghe và chọn ra lời đáp đúng nhất với từng câu hỏi.
11. Có 10 loại câu hỏi: Who, When, Where, What / Which, Why, How, Can / Could / Should / May /, Or, Yes / No.

b. Cách chọn đáp án câu hỏi Who

12. Đáp án đúng có thể nêu tên người, tên công ty, tên phòng ban hoặc chức vụ,....
13. Câu hỏi Who yêu cầu người trả lời nêu rõ một tập thể hay một người cụ thể - tức chủ thể thực hiện hành động – nên đáp án bắt đầu bằng đại từ he, she,... thường là đáp án sai. Tuy nhiên, đáp án bắt đầu bằng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ hai như I hoặc you có thể là đáp án đúng.
14. Đáp án dạng yes/no sẽ không được chọn trong dạng câu hỏi này!
15. Các đáp án như I'll do it (Tôi sẽ làm việc đó), I thought it was you (tôi nghĩ là bạn), I don't know (tôi không biết) rất có khả năng là đáp án đúng!

c. Cách chọn đáp án câu hỏi When

16. Với câu hỏi bắt đầu bằng when, trong đa số trường hợp, đáp án có các từ/cụm từ chỉ thời gian là đáp án chính xác. Tuy nhiên, đôi khi đáp án đúng lại đề cập đến con người hoặc địa điểm thay vì thời gian.
17. Bẫy ở câu hỏi với when là đáp án sai có các con số chỉ giá cả, tần suất, thời gian....
18. Những điều cần lưu ý!
19. Chú ý đến thì trong câu hỏi với when (nhất là khi câu hỏi dùng quá khứ đơn hoặc tương lai đơn)
20. Làm quen với nhiều cách diễn đạt nói về thời gian như cụm giới từ chỉ thời gian hoặc trạng từ liên quan tới thời gian,....
21. Đáp án đúng có thể là cụm từ diễn tả thời điểm không được xác định rõ như /not until early next month/

d. Cách chọn đáp án câu hỏi Where

22. Câu hỏi với Where hỏi về vị trí, địa điểm, phương hướng, xuất xứ gắn liền với con người hoặc sự việc cụ thể.
23. Đáp án đúng của câu hỏi với where thường có dạng giới từ + địa điểm.
24. Cấu trúc: There is/are ... có thể xuất hiện trong đáp án đúng của dạng câu hỏi này.
25. Trong một số trường hợp, đáp án đúng không nêu địa điểm cụ thể mà giới thiệu một người biết địa điểm đó hoặc có liên quan đến địa điểm đó.
26. Đôi khi đáp án đúng là câu trả lời gián tiếp chứ không nêu vị trí, địa điểm cụ thể.
27. Những đáp án có giới từ hoặc trạng từ liên quan đến nơi chốn rất có khả năng là đáp án đúng.
28. Hãy làm quen với các đáp án không nêu địa điểm cụ thể mà có dạng câu trả lời gián tiếp (với mục đích đưa ra lời mời, lời đề nghị hoặc hỏi ngược lại)
29. Nên nhớ rằng bạn có thể mắc bẫy khi chọn đáp án cho câu hỏi với where, bởi không phải đáp án nào có từ/ cụm từ chỉ nơi chốn cũng là đáp án đúng!

e. Cách chọn đáp án câu hỏi How

30. Dưới đây là những câu hỏi bắt đầu bằng từ nghi vấn how và thông tin được nêu trong đáp án đúng.

How many/ much + danh từ? – đáp án đúng cho biết về số lượng, giá cả

How long? Đáp án đúng cho biết một khoảng thời gian

How often? Đáp án đúng cho biết về tần suất (số lần)

How can/do? Đáp án đúng cho biết phương tiện, cách thức

How do you like? Đáp án đúng cho biết suy nghĩ, ý kiến cá nhân

How would you like? Đáp án đúng cho biết sở thích cá nhân.

31. Lưu ý là đáp án đúng có thể là đáp án ngoại lệ (kiểu như Tôi không biết) hoặc có hình thức câu hỏi (người trả lời hỏi ngược lại người đặt câu hỏi)

32. Làm quen với các từ chỉ số lượng, thời gian, tần suất thường xuất hiện trong đáp án đúng như three of each, about four hours, once a month ...

f. Cách chọn đáp án câu hỏi Why

33. Câu hỏi với Why hỏi về lý do

34. Câu trả lời cho câu hỏi Why thường bắt đầu với:

Because + Mệnh đề

To + V

For + V-ing

Due to / Because of + Cụm danh từ hoặc V-ing

35. Câu hỏi : Why don't we + V hoặc Why don't you + V là câu lời mời, rủ rê hoặc hỏi ý kiến. Cách trả lời cho câu hỏi này

g. Câu hỏi Can / Could / Should / May / Would

36. Bạn có thể hay không: Can / Could you + V

Could you tell / lend / recommend / order / help

Can you send / give

May I leave

➔ Câu trả lời thường gặp

Yes / Sure / Of course / Certainly / I'll do it right now / I'll do it right away / I've already done / I did.....

Sorry, but / I'd love to, but / I'm afraid

I'll tell you later / Let me check my schedule / I wasn't here before

37. Tôi có thể không: May / Can / Could + I + V

Can I help you / Can I give you a hand.....

➔ Câu trả lời thường gặp

Yes / Thank you / That's very kind of you

I can handle it my self / I'm done with it / I can do it myself

38. Would you like + to inf / N (= How about)

Would you mind + V-ing (Bạn có phiền để làm gì đó không)

39. Would you mind If I + V: Bạn có phiền không nếu tôi làm gì đó

Would you like help + V-ing / with: Bạn có cần giúp đỡ không

h. Câu hỏi /Or/

40. Câu hỏi với Or hỏi về lựa chọn giữa 2 vật hoặc 2 hành động

41. Câu trả lời cho câu hỏi Or thường bắt đầu với:

Một trong 2

Either / Neither is fine, Either / Neither, actually.

Both

Whatever / Whichever

I'd better + V, A / B is better

You decide, Follow you

i. Câu hỏi Yes / No

42. Câu hỏi có / không: bắt đầu bằng động từ Tobe hoặc trợ động từ

43. Câu trả lời thường có các dạng

Yes / Sure / I think so / Ok / Certainly / Definitely + Câu giải thích và làm rõ lý do

No / I'm afraid / Actually, / Unfortunately, / In fact, / I don't think so + Câu giải thích và làm rõ lý do

3. Part 3: Đoạn hội thoại

a. *Khái quát về Part 3*

- Số câu đúng tối thiểu: 22
- Nội dung: Có 13 đoạn hội thoại giữa 2 hoặc 3 người. Mỗi đoạn hội thoại chứa thông tin để trả lời 3 câu hỏi tương ứng. Mỗi câu hỏi có 4 phương án trả lời. Yêu cầu nghe nội dung đoạn hội thoại và trả lời các câu hỏi tương ứng.

b. *Các loại câu hỏi:*

44. Câu hỏi về chủ đề

Để hỏi về chủ đề đoạn hội thoại, thường dùng những câu hỏi sau:

- + What is the conversation about? - Where is this conversation taking place?
- + What are the speakers discussing? - What is the purpose of the call?

Nắm vững các câu hỏi được dùng để hỏi về chủ đề của đoạn hội thoại. Nếu không nghe kịp phần đầu thì có thể bạn sẽ không nắm được chủ đề của đoạn hội thoại, vì vậy hãy chú ý lắng nghe phần này!

Cụm từ bao quát nội dung của cả đoạn hội thoại của thể trở thành đáp án đúng.

- Câu hỏi thông tin chi tiết

Là các câu hỏi có nội dung như:

- + Điều đó diễn ra lúc mấy giờ, tại địa điểm nào;
- + Người nói có thể là ai, tên là gì
- + Quãng đường, số tiền, số ngày, số người,....
- + Tại sao người con trai/gái xảy ra chuyện đó;
- + Vấn đề đang được nhắc tới là gì.

Thông tin chính xác nhất thường được xác định tại thông tin cuối cùng;

Lưu ý những câu hỏi đáp án yêu cầu tư duy: đếm số ngày, nhân đôi so với năm ngoái, chuyển bay sớm nhất,

Đáp án đúng có thể diễn tả những động từ tương ứng về nghĩa, hoặc sử dụng những danh từ chung cho những ý tưởng được diễn tả trong đoạn hội thoại.

- Câu hỏi về hành động

Là các câu hỏi có nội dung như: Người con trai nói sẽ làm gì, người con gái nói sẽ làm gì, hoặc người con trai/ người con gái nhờ vả, yêu cầu làm điều gì, hoặc đó là câu hỏi về việc họ muốn làm điều gì.

Hoặc, người con trai/ gái đang lo lắng, suy nghĩ về điều gì và họ có thể làm gì tiếp theo.

Tập trung mạnh vào động từ được liên kê trong đáp án

Đáp án đúng phần đa sẽ theo sau các cụm từ như:

+ I'm calling to....

+ I'd like to ...

+ Can I ...

+ Could you please

+ Would you mind

+ Let me

+ I'll

Đáp án đúng có thể diễn tả những động từ tương ứng về nghĩa, hoặc sử dụng những danh từ chung cho những ý tưởng được diễn tả trong đoạn hội thoại.

4. Part 4: Bài nói ngắn

a. Khái quát về Part 4

- Số câu cần đúng tối thiểu: 16
- Nội dung: Có 10 bài nói ngắn. Mỗi bài nói chứa thông tin trả lời cho 3 câu hỏi tương ứng. Mỗi câu hỏi có 4 phương án trả lời. Yêu cầu nghe nội dung bài nói và trả lời các câu hỏi tương ứng.
- Bài nói ở PART 4 thường có dạng lời chỉ dẫn, thông báo, tin nhắn qua điện thoại, bản tin trên sóng phát thanh (dự báo thời tiết, bản tin giao thông, bản tin về các chương trình khác), bài diễn thuyết phát biểu tại hội nghị, lời giới thiệu về nhân vật nào đó, lời hướng dẫn của hướng dẫn viên du lịch.
- Cách đọc câu hỏi trong Part 4 thường là: Questions number 71 to 73 refer to the following Announcement/speech/voicemail message....
- Chúng ta cần lắng nghe xem 3 câu hỏi sắp làm thuộc nhóm nào để định hướng cách trả lời.

b. Có 3 yêu cầu khi lắng nghe bất kỳ đoạn nói nào đó là: lắng nghe ý tưởng chính, lắng nghe thông tin chi tiết và đưa ra phán đoán.

45. Lắng nghe ý tưởng chính

Cần trả lời các câu hỏi: Who is the speaker? What is the message mainly about? Who is the audience for this talk? Where is this announcement being made? What is the purpose of this talk?

Khi lắng nghe cần chú ý tự hỏi mình: Người nói là ai, họ đang nói điều gì, họ nói cho ai nghe, địa điểm và mục đích của bài nói.

Chúng ta không cần hiểu chính xác 100% từ để chọn được đáp án đúng.

46. Lắng nghe thông tin chi tiết.

Cần nghe được các thông tin chứa: con số, ngày, thời gian, lý do, yêu cầu, địa điểm, vấn đề, lời khuyên hay kế hoạch được nhắc tới trong bài nói.

Trước khi lắng nghe cần xem câu hỏi chứa thông tin chi tiết như, When, How, Why... để biết cần nghe thông tin chi tiết nào, khi nghe hay duyệt tìm toàn bộ những từ hoặc cụm từ liên quan tới thông tin trong câu hỏi.

47. Đưa ra suy đoán.

Đó là những câu như: What does the speaker imply about? Which of these statements is probably true? How does the woman probably feel about...?

Suy nghĩ về thái độ của người nói, và chú ý tới ngữ điệu và những điểm nhấn được nói với âm lượng rõ hơn trong bài.

Cần nghe hết đoạn mới đưa ra được câu trả lời chính xác

5. Part 5: Điền vào chỗ trống trong 1 câu.

a. *Khái quát về Part 5*

- Số câu cần đúng tối thiểu: 12
- Nội dung: Trong TOEIC PART 5 – Hoàn thành câu, thí sinh sẽ đối mặt với 30 câu trắc nghiệm, mỗi câu có 4 đáp án cho sẵn. Thí sinh dựa vào khả năng đọc hiểu và vốn kiến thức ngoại ngữ của mình để chọn ra đáp án đúng nhất giúp hoàn thiện câu mà đề bài cho.

b. *Các nội dung thường xuất hiện trong TOEIC PART 5 bao gồm:*

- Loại 1: Word Form – Từ loại (trong đề có khoảng 10 đến 11 câu loại này). Đây là dạng câu dễ ăn điểm.
- Loại 2: Điền từ vựng với nghĩa chính xác nhất. Tức là trong đề có các 4 đáp án cho sẵn tương đối giống nhau, có thể là giống về tiền tố, hậu tố, hay các từ viết gần giống nhau.

- Loại 3: Điền Liên từ hoặc Giới từ (khoảng 4 đến 5 câu). Thí sinh lựa chọn liên từ / giới từ để điền phụ thuộc vào phía trước và sau chỗ trống.
- Loại 4: Mệnh đề quan hệ (trong đề thường có 1 đến 2 câu)
- Loại 5: Điền Pronoun/ Reflexive/ Possessive adjectives (Đại từ, đại từ phản thân, tính từ sở hữu). Trong đề có từ 1 – 2 câu loại này.

c. Cách làm loại 1

48. Trong dạng bài này bạn nên chú ý về các dạng từ loại của một từ hoặc có thể nhớ đặc điểm của từ loại

Noun thường có kết thúc bằng: -ance, -ancy, -ence, – ation, -dom, – ism, -ment, -ness, -ship, -or, -er, -ion.

Adjective thường có kết thúc bằng: -able, -ible, -al, -ful, – ish, -ive

Adverb thường có kết thúc bằng: -ly, – ward, – wise

Verb thường có kết thúc bằng: -en, – ify, – ize

49. Để làm được dạng bài này, trước tiên bạn phải nhận biết được vị trí cần điền từ đang thiếu loại từ nào, sau đó dựa vào các đặc điểm trên để phân biệt và chọn câu trả lời đúng.

50. Một số quy tắc để làm nhanh phần này:

Sau giới từ là danh từ.

Trước danh từ là tính từ.

Trước tính từ là trạng từ.

Giữa to_be và V-ing / Ved là trạng từ.

Nếu 4 lựa chọn yêu cầu chọn thể đúng của động từ (V_ing, _Ved, to_inf, bare_inf), hãy nhìn động từ trước đó để phán đoán. Ví dụ:

+ help/make/let + tân ngữ + bare_inf

+ admit to do something

+ avoid doing something

d. Cách làm loại 2

51. Đối với dạng bài này không còn cách nào khác bạn cần nắm được nghĩa từ cũng như cách dùng từ

52. Chọn đáp án bằng cách suy luận dựa vào những từ đi chung với nhau (collocations): Là những từ được kết hợp với nhau để tạo thành một cụm từ có ý nghĩa và thường được dùng trong cuộc sống hàng ngày.

Ví dụ cũng chỉ mang nghĩa là “màu đen” nhưng người Việt ta có những cụm từ khác nhau dùng để chỉ màu đen như “chó mực” hay “mèo mun” vậy đó.

Tương tự trong tiếng Anh sẽ có một số cụm từ đi chung với nhau, ví dụ như:

- + Make the bed - dọn dẹp giường
- + Do the homework - làm bài tập
- + Take a risk - làm liều, mạo hiểm
- + Give someone advice - cho ai đó lời khuyên

e. Cách làm loại 3

53. Để làm loại câu hỏi này, bạn cần học nghĩa của các Liên từ và Giới từ.

54. Sau đây là những giới từ cực kỳ thông dụng trong đề thi TOEIC:

of (của)
in (trong)
to (đến)
for (dành cho)
with (với)
on (trên)
at (ở / tại)
from (từ)
by (bởi)
about (về)
as (như)
into (vào trong)
through (xuyên qua / thông qua)
after (sau)
over (hơn)
between (giữa)
out (ra ngoài)
against (ngược lại với)
during (trong thời gian)
without (không có)

55. Và những Liên từ thông dụng:

Because / as / since (bởi vì)
Though / although / even though (trong khi)
While (trong khi)
Before (trước khi)
After (sau khi)
In order that / so that (để mà)

56. Lưu ý về bài tập điền giới từ:

Trong một số trường hợp, dịch nghĩa có vẻ không ổn . Để điền được giới từ , bạn cần để ý đến danh từ / động từ / tính từ đứng trước nó , bởi vì mỗi từ sẽ đi kèm với một giới từ khác nhau .

57. Cách phân biệt Liên từ và Giới từ:

Chúng ta chỉ cần xem từ sau chỗ trống đến trước dấu phẩy (hoặc dấu chấm nếu không có dấu phẩy) là mệnh đề hay cụm danh từ .

- + Mệnh đề có đủ chủ ngữ và động từ chia thì
- + Cụm danh từ không có động từ chia thì

➔ Nếu là mệnh đề thì chọn liên từ , nếu là cụm danh từ thì chọn giới từ .

f. Cách làm loại 4

58. Đề bài có thể yêu cầu điền Đại từ / Trạng từ quan hệ hoặc điền Động từ trong câu Mệnh đề quan hệ rút gọn

Các đại từ quan hệ:

- + Who: Làm chủ ngữ, đại diện ngôi người
- + Which: Làm chủ ngữ hoặc tân ngữ, đại diện ngôi đồ vật, động vật / Bổ sung cho cả câu đứng trước nó.
- + Whom: Đại diện cho tân ngữ chỉ người
- + Whose: Chỉ sở hữu cho người và vật
- + That: Đại diện cho chủ ngữ chỉ người, vật, đặc biệt trong mệnh đề quan hệ xác định (who, which vẫn có thể sử dụng được)

Các trạng từ quan hệ:

- + When (in / on which): Đại diện cho cụm thời gian
- + Where (in / at which): Đại diện cho nơi chốn
- + Why (for which): Đại diện cho lý do

Mệnh đề quan hệ rút gọn:

- + Nếu mệnh đề quan hệ là mệnh đề chủ động thì rút thành cụm hiện tại phân từ (V-ing).
- + Ta có thể dùng past participle (V_{II} / ed) để thay thế cho mệnh đề đề quan hệ khi nó mang nghĩa bị động.
- + Rút thành cụm động từ nguyên mẫu: Mệnh đề quan hệ được rút thành cụm động từ nguyên mẫu (To-infinitive) khi trước đại từ quan hệ có các cụm từ: the first, the second, the last, the only hoặc hình thức so sánh bậc nhất.

g. Cách làm loại 5

59. Đại từ dùng để thay thế danh từ nhằm tránh lặp lại danh từ. Trong Tiếng Anh có 5 loại đại từ với các chức năng sử dụng khác nhau: nhân xưng (personal), sở hữu (possessive), phản thân

(reflexive), chỉ định (demonstrative), bất định (indefinite), quan hệ (relative), nghi vấn (interrogative). Thêm đó, đại từ cũng đóng vai trò chủ từ, giới từ và bổ ngữ trong câu.

60. Bao gồm:

	Đại từ chủ ngữ	Đại từ tân ngữ	Đại từ phản thân	Tính từ sở hữu	Đại từ sở hữu
Ngôi 1 số ít	I	Me	Myself	My	Mine
Ngôi 2 số ít hoặc nhiều	You	You	Yourself / Yourselves	Your	Yours
Ngôi 1 số nhiều	We	Us	Ourselves	Our	Ours
Ngôi 3 số nhiều	They	Them	Themselves	Their	Theirs
Ngôi 3 số ít	He	Him	Himself	His	His
	She	Her	Herself	Her	Hers
	It	It	Itself	Its	Its

Lưu ý:

61. Đại từ sở hữu = tính từ sở hữu + danh từ.

62. Đại từ phản thân: Làm tân ngữ của động từ khi chủ ngữ và tân ngữ là cùng một người:

6. Part 6: Điền vào đoạn văn

a. Khái quát về Part 6

Số câu cần đúng tối thiểu: 7

Nội dung:

Part 6 TOEIC gồm 12 câu trắc nghiệm chia thành 4 đoạn văn, mỗi đoạn gồm 3 câu hỏi và tương ứng mỗi câu hỏi sẽ có 4 lựa chọn A,B,C,D. Câu hỏi phần part 6 thường đề cập tới các văn bản ngắn, quảng cáo, thông báo, ghi chú, email, fax, thư từ...

Ngữ pháp: chiếm 20%, chủ yếu xuất hiện phần thì.

Từ vựng: chiếm 55%, chủ yếu là phân từ loại (N, V, Adj, Adv) và dịch nghĩa.

Điền câu: đây là phần mới, đoạn xuất hiện 1 câu.

b. Cách phân bố thời gian làm bài

63. 10s/ câu đối với các câu siêu siêu dễ: Nếu câu trả lời có 4 đáp án cùng 1 gốc từ => xác định ngay loại từ, cách chia động từ đúng là ra ngay

64. 30s/ câu với các câu khó hơn xoay quanh:

Chọn to infinitive (động từ nguyên thể) hay là gerund (danh động từ) => cái này tuy khó mà dễ, các bạn nên xem bài học về Danh động từ & Động từ nguyên thể để nắm rõ hơn phần này

Câu chọn cụm động từ (phrasal verb) => học nhiều, làm nhiều Phrasal verb thì sẽ thuộc hết nhé. Các bạn có thể tải cuốn Phrasal Verb in Action thần thánh này để học nhé.

Câu kiểm tra từ vựng với những từ lạ hoắc => học thật nhiều từ vựng theo chủ đề

CÂU NÀO KHÓ QUÁ HÃY BỎ QUA!: Bỏ qua ở đây không có nghĩa là bạn bỏ hẳn câu đó mà hãy dựa vào phán đoán của bạn lại đáp án quá sai trước tiên rồi chọn đại một đáp án bạn cho là chính xác nhất. Nếu chắc chắn không thể làm được câu đó, việc bạn dừng lại quá lâu sẽ làm mất thời gian dành cho các câu khác dễ hơn.

c. Một vài lưu ý

65. Không cần đọc hết nội dung đoạn văn: Part 6 có độ dài tương tự với độ dài của bài đọc dạng Single Passage ở Part 7 với rất nhiều dạng: thư tín, memo, fax, quảng cáo, báo cáo hoặc bài báo,... Thay vì tốn thời gian đọc hết toàn bộ nội dung, bạn chỉ cần xem nội dung trước và sau chỗ trống là có thể trả lời được. Ngoài ra, với các câu hỏi từ vựng, bạn cũng không cần phải hiểu hết cả bài, mà chỉ cần hiểu đoạn văn chung quanh chỗ trống là có thể trả lời được.

66. Part 5 làm tốt thì sẽ làm tốt Part 6: Nếu bạn làm tốt Part 5, bạn cũng sẽ đạt hiệu quả cao ở Part 6 vì yêu cầu và dạng câu hỏi của 2 phần này có nhiều điểm tương đồng với nhau.

67. Chú ý đến câu hỏi từ vựng: Trong đề thi TOEIC mới, số lượng câu hỏi từ vựng đã tăng lên đến 70 - 80%. Để chuẩn bị tốt cho dạng câu hỏi này, bạn nên đọc nhiều, ghi nhớ các lựa chọn trả lời và từ vựng thường xuyên xuất hiện nhằm tích lũy cho bản thân vốn từ vựng để có thể đạt hiệu quả cao nhất khi gặp dạng câu hỏi này trong bài thi TOEIC thực tế.

68. Ôn tập các chủ điểm ngữ pháp cơ bản: Tỷ lệ câu hỏi ngữ pháp của đề mới giảm đáng kể so với đề cũ. Ngoài ra, câu hỏi ngữ pháp mới chỉ tập trung vào các điểm ngữ pháp cơ bản, chứ không tập trung nhiều vào các điểm ngữ pháp chi tiết như trước đây. Câu hỏi ngữ pháp về động từ chiếm tỷ lệ cao nhất. Để làm tốt câu hỏi này, bạn phải hiểu chính xác cách dùng thì, sự phù hợp về số và hình thái. Khi trả lời câu hỏi, bạn nên sử dụng phương pháp loại suy để tiết kiệm thời gian và đạt được độ chính xác cao.

7. Part 7: Đọc đoạn văn trả lời câu hỏi

a. Khái quát về Part 7

Số câu cần đúng tối thiểu: 22

Nội dung:

Part 7 gồm có 54 câu hỏi

Có hai loại đoạn văn người học có thể bắt gặp trong phần thi này:

- + Single passage: 7-10 đoạn văn đơn, bao gồm 28 câu hỏi. Mỗi bài có khoảng 2-4 câu hỏi.
- + Double passage: Đoạn văn kép, bao gồm 20 câu hỏi, thường chia làm 4-5 đoạn văn.

Nội dung trọng tâm của phần này bao gồm các bài đọc liên quan đến email, thư xin việc, memorandum, advertisement, place an order (đơn đặt hàng sản phẩm), schedule (lịch trình), news (tin tức)...

Nhiệm vụ của người học là đọc hiểu và chọn ra đáp án đúng trả lời cho các câu hỏi trong bài.

b. Các dạng câu hỏi thường gặp trong Part 7

Loại 1: Main topic/main ideas/ the purpose/mainly about/ (Ý chính của đoạn văn trên là gì? Chủ đề của đoạn văn trên là gì?)

Loại 2: Specific questions (Hỏi chi tiết về các thông tin trong bài đọc). Thường các câu hỏi dạng này không có bấy nhiêu, thí sinh có thể tìm ra đáp án ngay trong bài đọc.

Loại 3: Vocabulary questions (Các câu hỏi về từ vựng). Thường các câu hỏi này sẽ yêu cầu bạn chọn ra một từ đồng nghĩa với một từ bất kì trong đoạn văn (có thể thay thế nghĩa của từ đó).

c. Cách làm bài Toeic Part 7

69. Tìm ý chính của đoạn văn

70. Khi làm bài TOEIC PART 7, bạn không nên đọc toàn bộ bài từng chữ một (rất mất thời gian) mà có thể đọc lướt để nắm ý chính, tiếp theo đó là đọc các phần triển khai các ý chính đó. Bạn không nhất thiết phải hiểu từng câu từng chữ một trong bài.

71. Hiểu loại bài mình đang đọc

72. Nếu muốn đạt điểm cao trong TOEIC Part 7, bạn cần phải làm quen với nhiều dạng bài đọc được lấy từ các mẫu thư tín, quảng cáo, thông báo, thư báo... và xác định loại bài đọc mà mình chuẩn bị đọc từ đó liên tưởng đến các từ vựng liên quan

73. Tìm hiểu về các từ đồng nghĩa

74. Để làm tốt được phần này thì vốn từ vựng của các bạn phải đa dạng và cần nắm vững kiến thức về từ đồng nghĩa. Nhiều từ đồng nghĩa chúng ta tưởng có thể thay thế được cho nhau nhưng trong một số trường hợp chúng lại khác biệt theo ngữ cảnh. Vì vậy đó là lý do mà nhiều chuyên gia về luyện thi TOEIC khuyên bạn nên học nhiều từ thực tiễn để biết được trong ngữ cảnh nào thì cần dùng loại từ vựng nào.
75. Không nhất thiết phải đọc theo thứ tự từng bài
76. Có một kinh nghiệm được đúc kết từ khá nhiều người học TOEIC đó là càng gần về cuối, các bài đọc TOEIC có xu hướng dễ hơn, ở cả câu hỏi lẫn nội dung bài đọc, mặc dù các bài đọc đó khá dài. Vì vậy, nếu các bạn sợ bị mất tập trung ở cuối giờ thì có thể chọn làm các bài mình thấy dễ trước (thường các bài có 4-5 câu hỏi sẽ dễ làm đúng hơn các bài chỉ có 2-3 câu hỏi), vì phần này cũng cần tinh thần làm bài tập trung cao độ.

D. Các bẫy thường xuất hiện

- Đáp án không đúng rõ ràng
- Mẹo tránh bẫy:
 - + Loại trừ những đáp án rõ ràng sai để tìm ra đáp án đúng.
 - + Bổ sung vốn từ vựng TOEIC với các tài liệu

Sắp xếp đoạn dài ngắn lẫn lộn: Đây chính là một cái bẫy “chết người” được gài trong Part 7. Đây có thể coi là một “đòn cực độc” của người ra đề bởi họ nắm được tâm lý của người làm bài – muốn tiết kiệm thời gian nên thấy bài đọc dù ngắn hay dài cũng lao vào đọc bất chấp.

77. Mẹo tránh bẫy:

- + Hãy đọc câu hỏi trước, gạch chân keywords cần tìm và trở ngược lại bài đọc để tìm thông tin tương ứng.
- + Ngoài ra, thời gian làm bài 10 dòng có 3 câu hỏi với bài 5 dòng 3 câu hỏi thì cũng bằng nhau. Hãy lấy số câu hỏi làm mốc để đo lường thời gian, tránh lãng phí thời gian đọc đề.

BÂY GIỜ HÃY BẮT TÀ Y VÀO LUYỆN TẬP LUÔN CÁC EM NHÉ!

CẦN THÊM TÀI LIỆU GÌ, CỨ NHẮN TỚI FANPAGE CỦA ZENLISH NHA!